

Bản án số: 287/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2017
V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thanh Trúc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lý Hồng Hạnh**

2. Ông **Lê Hoàng Long**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Cửu Trọng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Bích Tuyền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 258/2016/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2016 về việc: “***ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung, nợ chung***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Anh **Dương Văn P, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Bị đơn:* Chị **Dương Ngọc E, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Tạm trú: 390 khu vực Thới Bình, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị A**, sinh năm 1933 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

2. Chị **Dương Ngọc N**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 390 khu vực Thới Bình, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại tòa, nguyên đơn ông Dương Văn P trình bày: Năm 2004, tôi và Ngọc E quen biết nhau, được gia đình hai bên đồng ý nên tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thới Thạnh. Sau khi cưới, Ngọc E về nhà tôi ở, công việc của tôi là đi bán vé số còn Ngọc E làm thợ may. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã, đến năm 2014 thì sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Dương Tấn P, nam, sinh ngày 25/01/2007 và Dương Hồng P, nữ, sinh ngày 17/02/2010. Hiện nay, hai cháu sống với Ngọc E. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi hai cháu, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có 01 chiếc xe gắn máy Honda Air Blade biển số 65H1-118.20, đã được định giá là 6.600.000 đồng, tôi đồng ý trả một nửa giá trị cho Ngọc E.

Còn đối với căn nhà tại ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai là của mẹ tôi bà Lê Thị A, khi Ngọc E về sinh sống thì nhà bằng gỗ tạp chưa được sửa chữa như hiện nay. Đến năm 2013, thì mẹ tôi sửa nhà với số tiền khoảng 59.000.000 đồng, nguồn tiền này là của mẹ tôi bán 01 công đất ruộng cho anh trai tôi với giá 80.000.000 đồng, vợ chồng tôi không có tiền nên không có đóng góp gì. Nay Ngọc E yêu cầu chia giá trị căn nhà thì tôi không đồng ý.

- Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Dương Ngọc E trình bày: Tôi thống nhất với phần trình bày của ông P về quan hệ hôn nhân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay tôi cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Dương Tấn P, nam, sinh ngày 25/01/2007 và Dương Hồng P, nữ, sinh ngày 17/02/2010. Hiện nay, hai cháu do tôi nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được hai cháu, yêu cầu ông P cấp dưỡng theo quy định. Vào năm 2014, vợ chồng ly thân thì tôi giao cháu Phát cho anh P nuôi dưỡng nhưng không chăm sóc tốt và ảnh hưởng đến việc

học của cháu nên tôi mới đem cháu về nuôi, nay tôi không thể giao con cho anh P nữa vì anh P không lo được cho con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ở nhà anh P, tôi làm nghề thợ may, anh P thì làm thợ hớt tóc và mua bán thêm nên vợ chồng dành dụm được 120.000.000 đồng. Vào tháng Giêng năm 2013, tôi và anh P đã bỏ ra 200.000.000 đồng để xây nhà (số tiền này là tiền của vợ chồng dành dụm và tôi đi vay thêm của chị tôi). Tôi yêu cầu chia căn nhà (tại ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ) và chiếc xe gắn máy Honda Air Blade biển số 65H1-118.20. Tôi thống nhất giá theo biên bản định giá ngày 13/7/2017 và yêu cầu chia đôi giá trị.

- Về nợ chung: Vào tháng 11/2012, tôi và anh P cùng gặp chị N để hỏi vay tiền và chị N đồng ý, sau đó tôi trực tiếp gặp chị N nhận số tiền 80.000.000 đồng, không có mặt anh P, mục đích vay tiền là để sửa nhà. Vì chị em ruột nên tôi và chị N không có làm biên nhận. Chị N hiện đang sinh sống tại Đài Loan nên không thể về để tham dự phiên tòa. Khi ly hôn, tôi yêu cầu chia đôi số nợ này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A trình bày: Tôi không đồng ý yêu cầu của Ngọc E về việc chia đôi giá trị căn nhà vì căn nhà của tôi, tôi đã bán đất ruộng để sửa nhà, vợ chồng P, Ngọc E không có bỏ vô đồng nào. Vì tuổi cao sức yếu nên tôi xin Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Ngọc N trình bày: Vào khoảng đầu năm 2012, tôi về Việt Nam thăm gia đình và vô nhà P chơi thì vợ chồng P, Ngọc E có hỏi vay của tôi số tiền 80.000.000 đồng, không tính lãi với mục đích cất nhà nhưng tôi chưa đưa tiền. Đến cuối năm 2012, tôi về lại Việt Nam thì tôi mới đưa cho Ngọc E số tiền 80.000.000 đồng nhưng không có mặt của P. Nhưng tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong vụ án này vì tôi phải về lại Đài Loan.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến. Đối với bị đơn, về tài sản chung, bị đơn yêu cầu được chia hiện vật là chiếc xe gắn máy Honda Air Blade biển số 65H1-118.20 và sẽ trả cho nguyên đơn một nửa giá trị xe, về nợ chung, bị đơn rút yêu cầu. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, bà Dương Ngọc N xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến

khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát còn trễ so với quy định.

Về nội dung: Về hôn nhân, công nhận ông Dương Văn P và bà Dương Ngọc E thuận tình ly hôn.

Về con chung: Công nhận việc thỏa thuận việc giao con chung cho bà Ngọc E nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng/tháng/2 cháu đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Do bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc hùn số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà và ông P, bà Lê Thị A không thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà. Tuy nhiên, cần xem xét công sức đóng góp của bà Ngọc E trong thời gian chung sống với ông P và mẹ chồng.

Đối với xe gắn máy Honda Air Blade biển số 65H1-118.20 có giá 6.600.000 đồng, tại phiên tòa, bà Ngọc E yêu cầu được nhận hiện vật để làm phương tiện đưa rước các con đi học và bà Ngọc E sẽ giao cho P một nửa giá trị xe là 3.300.000 đồng, yêu cầu của bà Ngọc E là phù hợp, đề nghị chấp nhận.

Về nợ chung: Bị đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A và bà Dương Ngọc N đều xin vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt bà Lê Thị A và bà Dương Ngọc N.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004, ông Dương Văn P và bà Dương Ngọc E tiến đến hôn nhân dựa trên tình yêu và sự tự nguyện, đã đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2014. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Ông Dương Văn P và bà Dương Ngọc E thống nhất giao cháu Dương Tấn P, nam, sinh ngày 25/01/2007 và Dương Hồng P, nữ, sinh

ngày 17/02/2010 cho bà Ngọc E nuôi dưỡng, các cháu cũng thống nhất yêu cầu được tiếp tục được mẹ nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đồng/tháng/cháu x 02 cháu = 1.300.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ 01/12/2017 đến khi các cháu tròn 18 tuổi, do bà Ngọc E đại diện nhận. Do các đương sự thống nhất nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về tài sản chung:

- Căn nhà tại ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai (theo biên bản thẩm định ngày 27/6/2017 và biên bản định giá ngày 13/7/2017 với giá trị 254.715.896 đồng): Nguyên đơn ông P và bà Lê Thị A đều cho rằng đây là tài sản của bà Lê Thị A nên không đồng ý chia. Bị đơn bà Ngọc E cho rằng căn nhà này là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi giá trị. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi ông P và bà Ngọc E bắt đầu cuộc sống vợ chồng vào năm 2004 thì bà Ngọc E về ở chung nhà gia đình chồng, lúc này căn nhà có kết cấu bằng gỗ tạp, đến năm 2013 thì xây dựng lại căn nhà như hiện nay, trên phần đất của bà Lê Thị A, phía bà Ngọc E không chứng minh được nguồn tiền xây dựng căn nhà là từ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của bà Ngọc E. Tuy nhiên, trong suốt khoảng thời gian từ năm 2004 đến năm 2014, ông P và bà Ngọc E đều thừa nhận bà Ngọc E sống chung với gia đình chồng, bà Ngọc E đã cùng ông P lao động và chăm lo cuộc sống chung nên công sức đóng góp của bà Ngọc E vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung cũng như đời sống chung của gia đình thì không thể phủ nhận. Do đó, khi vợ chồng ly hôn, bà Dương Ngọc E phải được chia phần công sức đóng góp mới phù hợp quy định tại Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai; buộc ông P giao cho bà Ngọc E số tiền 70.000.000 đồng.
- Đối với xe gắn máy Honda Air Blade biển số 65H1-118.20 có giá 6.600.000 đồng, tại phiên tòa, bà Ngọc E yêu cầu được nhận hiện vật để làm phương tiện đưa rước các con đi học và bà Ngọc E sẽ giao cho P một nửa giá trị xe là 3.300.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Ngọc E là phù hợp và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai nên chấp nhận.

Về nợ chung: Bà Ngô và bà Ngọc E đều yêu cầu tách phần nợ 80.000.000 đồng giải quyết thành vụ án khác khi bà Ngô khởi kiện vì hiện nay bà Ngô không có mặt ở Việt Nam. Yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận.

Chi phí thẩm định tài sản: Bà Dương Ngọc E phải chịu 3.000.000 đồng, bà Ngọc E đã nộp xong.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:** Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

***Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn P và bà Dương Ngọc E thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Dương Tấn P, nam, sinh ngày 25/01/2007 và Dương Hồng P, nữ, sinh ngày 17/02/2010 cho bà Ngọc E nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đồng/tháng/cháu x 02 cháu = 1.300.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ 01/12/2017 đến khi các cháu tròn 18 tuổi, do bà Ngọc E đại diện nhận

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Dương Văn P, không ai có quyền cản trở ông P thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Ngọc E về việc chia một nửa giá trị căn nhà tại ấp Thới Hòa, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai (theo biên bản định giá ngày 13/7/2017: $254.715.896\text{đồng}/2 = 127.357.948\text{đồng}$). Buộc ông Dương Văn P giao cho bà Dương Ngọc E số tiền 70.000.000 đồng công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình chồng. Buộc ông Dương Văn P giao xe gắn máy Honda Air Blade biển số 65H1-118.20 cho bà Ngọc E sở hữu và bà Ngọc E có nghĩa vụ giao một nửa giá trị xe là 3.300.000 đồng cho ông P.

- Về nợ chung: Tách yêu cầu giải quyết nợ chung của bà Dương Ngọc E thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Chi phí thẩm định tài sản: Bà Dương Ngọc E phải chịu 3.000.000 đồng, bà Ngọc E đã nộp xong.

- Về án phí: Ông Dương Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, 200.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng và 200.000 đồng án phí chia tài sản chung; căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng ông P đã nộp theo biên lai số 000725 ngày 20/12/2016 thì ông P phải nộp thêm 400.000 đồng. Bà Dương Ngọc E phải chịu 6.532.897 đồng án phí chia tài sản; căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Ngọc E đã nộp theo biên lai số 002125 ngày 13/7/2017 và biên lai 002038 ngày 30/5/2017 thì bà Ngọc E phải nộp thêm 3.036.397 đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc